

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST.

Ngày: 22/5/2018.

V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Như Sứy.

2. Ông Lưu Văn Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng CSXHVN. Địa chỉ: Số 169, phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

2. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Trần Quý L, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện QS. Địa chỉ: Số 190 HV, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

3. *Bị đơn:* Bà Trương Hồng D, sinh năm 1975.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Đức T, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: Tổ dân phố CT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Trần Quý L trình bày:

Vào ngày 31/3/2009, bà Trương Hồng D và ông Võ Đức T có vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo tại Ngân hàng CSXH huyện QS (sau đây gọi là ngân hàng) số tiền 10.000.000 đồng theo Khế ước vay tiền số 6000003300101192, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, mục đích vay: chăn nuôi bò. Đến hạn trả nợ, bà D chưa trả được nợ và vẫn thuộc hộ nghèo nên ngân hàng cho gia hạn nợ và cho vay lưu vụ với thời hạn 24 tháng. Tại giấy đề nghị cho vay lưu vụ thì ngân hàng duyệt cho bà D vay kể từ ngày 25/4/2015 và thời hạn trả nợ là ngày 25/4/2017; lãi suất cho vay là 0,6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay; lãi tiền vay trả theo định kỳ vào ngày 20 hằng tháng và số tiền nợ gốc trả khi đến hạn. Đến nay đã quá thời hạn vay mà bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn từ tháng 04/2017. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà D nhưng bà trốn tránh, không chịu trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà D và ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền 11.531.207 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 22/5/2018 là 1.531.207 đồng (nợ lãi trong hạn là 527.465 đồng, nợ lãi quá hạn 1.003.742 đồng).

Bị đơn - bà Trương Hồng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Đức T: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bà D, ông T vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bà D, ông T thanh toán tiền nợ vay; nơi cư trú của bà D, ông T tại tổ dân phố CT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định

tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông T.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng vay tài sản: Ngày 31/3/2009, bà D ký hợp đồng vay theo Khế ước vay tiền số 6000003300101192 đến ngày 25/4/2015, bà D ký kết hợp đồng cho vay lưu vụ với Ngân hàng CSXH huyện QS. Tại biên bản kiểm tra về việc xử lý thu nợ quá hạn ngày 08/02/2018, ông T thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của ngân hàng và còn nợ ngân hàng là đúng và ông cam kết: *“Tôi xin cam kết trả hết khoản nợ nói trên cho ngân hàng CSXH huyện QS trước ngày 30/06/2018...”*. Do đó, việc ký kết hợp đồng vay tài sản ngày 31/3/2009 và hợp đồng vay lưu vụ ngày 25/4/2015 giữa bà D với ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng cho vay lưu vụ ngày 25/4/2015 thì bà D vay số tiền là 10.000.000 đồng có thời hạn 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/4/2017; lãi suất cho vay là 0,6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay; lãi tiền vay trả theo định kỳ vào ngày 20 hằng tháng và số tiền nợ gốc trả khi đến hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng và khi đến hạn trả nợ cuối cùng, bà D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà D nhưng bà D trốn tránh, không chịu trả nợ. Như vậy, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Tại biên bản kiểm tra về việc xử lý thu nợ quá hạn ngày 08/02/2018, ông T thừa nhận vợ chồng ông nợ ngân hàng là đúng và cam kết trả nợ cho ngân hàng. Do đó, ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà D và ông T trả nợ là có căn cứ.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D và ông T có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay cho Ngân hàng CSXHVN với tổng số tiền 11.531.207 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 22/5/2018 là 1.531.207 đồng (nợ lãi trong hạn là 527.465 đồng, nợ lãi quá hạn 1.003.742 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí do cho vay đối với người nghèo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Trương Hồng D và ông Võ Đức T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXHVN tổng số tiền là 11.531.207 (*mười một triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm không bảy*) đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 22/5/2018 là 1.531.207 đồng (nợ lãi trong hạn là 527.465 đồng, nợ lãi quá hạn 1.003.742 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Hồng D và ông Võ Đức T phải chịu là 576.560 (*năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi*) đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-5-2018), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ